

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỚI GIẢNG VIÊN NGÀNH LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Mai Đắc Biên¹, Mai Thu Hằng¹
Email: bien.maidac@phenikaa-uni.ed.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1069

Tóm tắt: Kỷ nguyên số là một trong những thành quả to lớn mà nhân loại đạt được trên cơ sở ứng dụng khoa học, kỹ thuật hiện đại, tiên tiến, thông minh vào cuộc sống, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của con người nói chung và đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật nói riêng. Nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ngành luật là hoạt động thường xuyên, trọng điểm góp phần nâng cao trình độ lý luận cũng như thực tiễn giảng dạy của giảng viên, qua đó nâng cao chất lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp. Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần có những biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số tại các cơ sở đào tạo đại học. Tham luận đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên một số trường đại học ngành luật.

Từ khóa: biện pháp, giảng viên, ngành luật, công nghệ số, kỷ nguyên số

I. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục đại học nói chung và đối với giảng viên ngành luật nói riêng, đặc biệt trong kỷ nguyên số hiện nay. Trong công tác đào tạo đại học luật ở nước ta hiện nay, nghiên cứu khoa học của giảng viên được xem là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng

cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực ngành luật chất lượng cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Nội dung nghiên cứu khoa học tập trung trung xác định, khám phá kiến thức pháp luật cơ bản, chuyên sâu kết hợp với kiến thức về công nghệ số để nâng cao, mở rộng khả năng nhận thức và sử dụng thông tin, tri thức phục vụ trong thực tiễn công tác giảng dạy của giảng viên. Nghị quyết Hội

¹ Đại học Phenikaa

ng nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành TW khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam có nêu: “*Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống*”; Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 xác định một trong những mục tiêu của giáo dục đại học là “*...nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế*”. Những văn bản nêu trên đã khẳng định vai trò to lớn của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học và trong sự phát triển kinh tế xã hội, trong đó, vai trò của giảng viên là rất quan trọng. Do vậy, nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số là cần thiết, có tính mới, có ý nghĩa thiết thực và hoàn toàn phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia ở nước ta trong giai đoạn tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

Khoản 4 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 xác định: *Nghiên cứu khoa học (NCKH) là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng.*

Kỷ nguyên số là thời đại mà các công nghệ thông minh, hiện đại, các máy tính, trí tuệ nhân tạo được sử dụng để thay

thế hoặc hỗ trợ cho các hoạt động thường ngày của con người. Sự phát triển của công nghệ số đã mang lại nhiều lợi ích vượt bậc trong khả năng giao tiếp và kết nối tri thức giữa con người với nhau (Lê, 2024). Công nghệ số đã xóa nhòa những khoảng cách về địa lý, giúp chúng ta dễ dàng giao tiếp mà không cần gặp mặt trực tiếp, hỗ trợ làm việc từ xa, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và đại dịch COVID-19 đã thay đổi cách thức làm việc của nhiều người. Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) giúp chúng ta tìm kiếm, sử dụng tri thức của nhân loại một cách nhanh chóng và tiết kiệm thời gian, nguồn lực.

Tận dụng thành tựu trong kỷ nguyên số hiện nay, quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó xác định, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số là trọng tâm chiến lược của Việt Nam trong giai đoạn tới và đặt ra các mục tiêu cụ thể đến 2025 về: kinh tế số; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; năng suất lao động; hạ tầng mạng băng rộng cáp quang; và về phổ cập mạng di động 4G/5G (Nguyễn & Nguyễn, n.d.). Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay 100% các trường đại học đã có phòng máy, mạng LAN, wifi, cổng thông tin điện tử, 90% các trường đã lập ban biên tập công, có quy chế an toàn thông tin, 90% các trường đã dùng phần mềm quản lý đào tạo và quản lý văn bản, trên 60% các trường dùng phần mềm quản lý nhân sự, tài sản, thiết bị (Báo điện tử, 2025).

Nghiên cứu khoa học là một hoạt động tìm hiểu có tính hệ thống đạt đến sự hiểu biết được kiểm chứng. Nó là một hoạt động nỗ lực có chủ đích, có tổ chức nhằm

thu thập những thông tin, xem xét kỹ, phân tích xếp đặt các dữ kiện lại với nhau rồi đánh giá các thông tin ấy bằng con đường quy nạp và diễn dịch (Dương, 2005). Theo Vũ Cao Đàm thì nghiên cứu khoa học là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết, hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người (Vũ, 2008).

Hiện nay, có nhiều quan điểm, ý kiến về nghiên cứu khoa học trong kỷ nguyên số của giảng viên ngành luật, tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng đã thống nhất chỉ ra một số đặc điểm cơ bản của nghiên cứu khoa học trong kỷ nguyên số của giảng viên ngành luật như sau:

Tính cá nhân: vai trò cá nhân trong sáng tạo mang tính quyết định. Tính cá nhân được thể hiện trong tư duy cá nhân, nỗ lực cá nhân và quan điểm khoa học riêng của từng cá nhân về việc tiếp thu và ứng dụng kiến thức công nghệ số vào nghiên cứu khoa học.

Tính mới: nghiên cứu khoa học là quá trình hướng tới những phát hiện mới hoặc sáng tạo mới, do vậy, tính mới là thuộc tính quan trọng số một, có thể dẫn tới những xung đột xã hội với các kết luận, quan điểm cũ (Trần, 2010). Nghiên cứu khoa học ngành luật kỷ nguyên số có thể có xung đột với một số quan điểm nghiên cứu khoa học luật truyền thống.

Tính tin cậy: Kết quả của công trình nghiên cứu khoa học đạt được nhờ một hoặc nhiều phương pháp nghiên cứu nào đó, có khả năng kiểm chứng lại nhiều lần trong những điều kiện quan sát hoặc thí nghiệm hoàn toàn giống nhau và với những kết quả thu được hoàn toàn giống nhau, do vậy có độ tin cậy cao. Trong thời

đại công nghệ số, sản phẩm khoa học có thể được kiểm chứng thông qua việc áp dụng công nghệ AI, phần mềm để kiểm tra, đánh giá.

Tính khách quan: Tính khách quan vừa là một đặc điểm của nghiên cứu khoa học, vừa là chuẩn mực về phẩm chất của người nghiên cứu khoa học. Trong khoa học ngành luật, một kết luận không dựa trên thực tế khách quan được kiểm chứng bằng thực tiễn áp dụng mà chỉ dựa vào ý chí, nhận thức của cá nhân thông qua các quy phạm pháp luật chưa thể xem là một phản ánh khách quan về bản chất của nội dung nghiên cứu.

Tính kế thừa: Khoa học luật ra đời từ nghìn năm nay và đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về mọi khía cạnh của luật. Nhiều bộ môn luật mới, phương pháp nghiên cứu mới xuất hiện đặc biệt trong kỷ nguyên số ngày nay chính là kết quả kế thừa những thành tựu khoa học trước đây,

Từ những phân tích đặc điểm cơ bản trên, có thể xác định: Nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số là một dạng lao động tri thức của giảng viên nhằm tìm ra các chứng cứ, luận điểm đáng tin cậy dựa trên việc nghiên cứu, tổng hợp, điều tra, thử nghiệm, áp dụng khoa học công nghệ số để chứng minh tính đúng đắn cho những phát hiện mới về bản chất của vấn đề pháp luật, phương pháp, nội dung đào tạo ngành luật thông qua quy luật vận động của xã hội và đề sáng tạo phương pháp, nội dung, kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn trong giảng dạy ngành luật trong kỷ nguyên số.

2.2. Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

được xác định rất đa dạng với một số nội dung quan trọng như sau:

- Nghiên cứu nội dung quy định của pháp luật, những hạn chế, vướng mắc để đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật;

- Nghiên cứu chương trình đào tạo đại học, bảo đảm cung cấp đầy đủ những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về pháp luật cho người học, gắn với kiến thức công nghệ tin học để bảo đảm sinh viên được trang bị kiến thức về công nghệ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện trong lĩnh vực công nghệ tin học ;

- Nghiên cứu phương pháp đào tạo để bảo đảm người học được tiếp thu một cách nhanh chóng và đầy đủ, vững vàng kiến thức pháp luật, kinh nghiệm thực tiễn thực hành nghề luật trong kỷ nguyên số;

- Nghiên cứu hệ thống tổ chức, quản lý trường đại học để bảo đảm việc giáo dục, đào tạo sinh viên, học viên ngành luật được thực hiện khoa học, hiệu quả, chấp hành đúng pháp luật, học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế, văn hóa, luật pháp phát triển, hiện đại để ứng dụng vào Việt Nam;

- Nghiên cứu các nội dung học tập trong các giáo trình, tài liệu hệ đại học, sau đại học và thực tiễn học tập của sinh viên, học viên ngành luật để phát huy hiệu quả, khắc phục những thiếu sót, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng học.

- Nghiên cứu thực trạng việc làm của sinh viên, học viên ngành luật sau khi tốt nghiệp, gồm tỷ lệ người có việc làm đúng ngành luật, chất lượng công việc được xã hội đánh giá, khả năng học lên cao hơn để xác định chất lượng đào tạo, khắc phục yếu kém trong đào tạo, nâng cao tỷ lệ người học ra trường có việc làm cao, thu nhập tốt, đóng góp hiệu quả cho nhu cầu xã hội, phát triển đất nước.

Từ các công tác như xây dựng kế hoạch, tổ chức chọn đề tài, ký hợp đồng... đến nghiệm thu và ứng dụng thì các hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật phải gắn chặt với định hướng khoa học - công nghệ của nhà trường được xác định từ đầu năm học của nhà trường.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp luận

Phương pháp luận tiếp cận để giải quyết những vấn đề thuộc nội dung của đề tài dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện chính sách pháp luật; phát triển giáo dục, đào tạo (Vũ, 2008); phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học trong kỷ nguyên số; chủ trương, đường lối lãnh đạo của các trường đại học về công tác nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ đào tạo ngành luật.

3.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Dựa trên cơ sở phương pháp luận nêu trên, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau: Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, phương pháp phân tích, đối chiếu, tổng hợp, so sánh, thống kê số liệu; phương pháp hội thảo, tọa đàm... (Phan & Lương, 2023).

IV. Kết quả và thảo luận về biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

4.1. Một số khó khăn, hạn chế trong nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

Thứ nhất, kỷ nguyên số là kết quả của phát triển khoa học hiện đại, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó tác động trực tiếp đến đào tạo nguồn

nhân lực ngành luật, do vậy, nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật cũng phải gắn bó chặt chẽ với kiến thức công nghệ số. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo ngành luật thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nên việc tiếp nhận, ứng dụng công nghệ tin học vào giảng dạy, nghiên cứu còn hạn chế, còn mang nặng tính truyền thống, chưa có nhiều đột phá trong cả tư duy đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực tiễn đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, giảng viên ngành luật đa phần có nền tảng kiến thức về khoa học xã hội, trong khi công nghệ số không thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, việc tiếp thu kiến thức công nghệ tin học đòi hỏi không chỉ có kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học máy tính mà còn cả trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) nên một số giảng viên ngành luật không nắm vững kiến thức công nghệ tin học và không theo kịp được tốc độ phát triển, đổi mới trong lĩnh vực công nghệ tin học.

Thứ ba, để việc nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật có chất lượng cao, cơ sở đào tạo cần phải có nền tảng công nghệ số hiện đại, tiến tiến như mạng internet, hệ thống máy chủ quản lý số, thư viện số và các nền tảng khác. Tuy nhiên việc đầu tư trong lĩnh vực này đòi hỏi nguồn kinh phí lớn nên vẫn còn nhiều hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu thực tế.

4.2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

4.2.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định về nghiên cứu khoa học của Trường

Hệ thống văn bản, quy định về nghiên cứu khoa học tạo cơ chế phù hợp, môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng phát triển,

tạo niềm tin, động lực mạnh mẽ để mỗi giảng viên ngành luật chủ động, tích cực, có tâm huyết cao trong việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong kỷ nguyên số hiện nay.

Để hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên được thực hiện thường xuyên, ổn định, lãnh đạo nhà trường cần ban hành Quy định về quản lý nghiên cứu khoa học giảng viên phù hợp với yêu cầu tình hình thực tế, quy định việc xác định danh mục, tuyển chọn, phê duyệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện đề tài; xây dựng các tiêu chí để tuyển chọn đề tài (Phạm, 2014). Cụ thể hoá những nguyên tắc và chuẩn mực pháp lý, làm cơ sở để tổ chức các hoạt động nghiên cứu, nhất là việc đánh giá, thẩm định các công trình nghiên cứu; bảo đảm cho giảng viên được lựa chọn đề tài và hướng nghiên cứu phù hợp với năng lực của mình; được thể hiện những sáng tạo cá nhân, bình đẳng trong tiếp nhận thông tin và giao lưu khoa học; quyền công bố và chịu trách nhiệm trước sản phẩm, công trình khoa học của mình; quyền được hưởng những lợi ích tương xứng với lao động.

4.2.2. Tăng cường đầu tư, kinh phí, phát triển nguồn lực vật chất, công nghệ tin học cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường cần quán triệt sâu sắc quan điểm đầu tư cho nghiên cứu khoa học là đầu tư phát triển đào tạo và chất lượng người học. Nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật là loại lao động trí tuệ cao, phải có đủ tri thức trong lĩnh vực luật và công nghệ tin học và niềm đam mê nghiên cứu khoa học, đồng thời, nghiên cứu khoa học ngành luật không liên quan đến lĩnh vực tài chính, dự án, đầu tư... nên phần lớn phải trông chờ vào nguồn hỗ trợ của Nhà trường. Do vậy, cần

tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế quản lý thu chi để có quy định, kế hoạch và phương án tài chính cụ thể, xứng đáng hỗ trợ cho giảng viên ngành luật nghiên cứu khoa học. Tăng cường hỗ trợ tài chính cho giảng viên khi có sản phẩm được công bố như bài báo khoa học, bài tham dự Hội thảo khoa học cấp quốc gia, Hội thảo khoa học quốc tế không do Nhà trường tổ chức hoặc có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong hệ thống ISI hoặc Scopus. Xây dựng chính sách khen thưởng và vinh danh các giảng viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, có cơ chế gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ. Nhà trường cần tăng cường mua sắm bổ sung tài liệu mới phù hợp với nhu cầu nghiên cứu khoa học của giảng viên, trong đó có tài liệu in truyền thống và tài liệu số, có tài liệu xuất bản trong nước và quốc tế; ưu tiên các tài liệu về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học, về khoa học pháp lý, các tạp chí về lĩnh vực pháp luật, các tài liệu về công nghệ tin học.

4.2.3. Quán triệt, nâng cao nhận thức cho giảng viên về vai trò, tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số

Nhà trường cần tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức của giảng viên để họ thấy được việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ cốt lõi, quan trọng của giảng viên đại học, có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, không thể tách rời. Một giảng viên chỉ có thể giảng dạy tốt các môn luật khi có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về luật được công bố trong và ngoài nước, được ứng dụng trong thực tiễn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu khoa học của giảng

viên góp phần quan trọng trong việc nâng cao thương hiệu, uy tín của Nhà trường; là tư liệu quan trọng để xét phong các chức danh cao quý của nhà giáo, như Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo Nhân dân, Phó Giáo sư, Giáo sư... Từ đó từng giảng viên tự giác, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát huy được tính sáng tạo và tiềm năng của từng người.

Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên gia, tập huấn, bồi dưỡng cho giảng viên ngành luật kiến thức lý luận về nghiên cứu khoa học, phản biện khoa học, về kỹ năng ứng dụng công nghệ tin học trong nghiên cứu khoa học ngành luật; chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau trong nghiên cứu khoa học của các giảng viên. Tạo điều kiện cho giảng viên đi tham quan học tập thực tế hoặc luân chuyển có thời hạn để cập nhật kiến thức, đặc biệt là kinh nghiệm thực tiễn khi giải quyết các vụ án, vụ việc ở các cơ quan tư pháp trung ương và địa phương, các công ty hoặc văn phòng luật (Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, 2020). Nâng cao hiệu quả việc tìm kiếm tham khảo tài liệu trong thư viện số, tích lũy kinh nghiệm và kiến thức thực tế phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học. Một số học phần được giảng dạy trực tuyến hoặc có khai thác bài giảng số do chuyên gia luật trong nước và quốc tế giảng dạy, qua đó học tập kinh nghiệm sử dụng tài liệu số (Mai & Mai, 2025).

Giảng viên ngành luật nghiên cứu khoa học trong kỷ nguyên số cần thực hiện tốt các kỹ năng sau:

- Lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu: bao gồm tính cấp thiết của việc nghiên cứu, là vấn đề xã hội quan tâm, thực tiễn đang cần giải quyết; những vướng mắc khi giải quyết vụ án, vụ việc do pháp luật chưa hoàn

thiện; chưa có công trình nào nghiên cứu hoặc có nhưng chưa đầy đủ; xác định giới hạn về quy phạm pháp luật điều chỉnh, về phạm vi không gian, địa điểm, về phạm vi thời gian; tính khả thi: khả năng tìm kiếm tài liệu, thông tin, đặc biệt những tài liệu, thông tin quốc tế có liên quan đến đề tài cần sử dụng kỹ năng công nghệ số để tìm kiếm và sử dụng; khả năng khảo sát thực tiễn: khả năng tiếp cận, nhờ sự hỗ trợ của chuyên gia, người hướng dẫn, người có chuyên môn sâu về kiến thức pháp luật, kiến thức công nghệ tin học, kinh nghiệm nghiên cứu; khả năng tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để góp ý, rút kinh nghiệm, chỉnh sửa...

- Xây dựng đề cương chi tiết: Đề cương chi tiết cần có các nội dung chính sau: Tên đề tài; tính cấp thiết của việc nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; giả thuyết khoa học nghiên cứu; phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu; nội dung nghiên cứu, chú trọng những vấn đề liên quan đến đào tạo sinh viên, học viên ngành luật trong kỷ nguyên số, như áp dụng công nghệ tin học vào việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, vào việc học tập của sinh viên, học viên.

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thực hiện các hoạt động nghiên cứu: Xây dựng chi tiết kế hoạch nghiên cứu, bảo đảm tiến độ và chất lượng; tìm nguồn tài liệu liên quan đến đề tài; đọc, xem video, phim, ảnh; ghi chép, trích cứu tài liệu; quan sát thực tế; thực nghiệm; xử lý và phân tích thông tin thu thập được.

- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

4.2.4. *Phát huy vai trò, tác dụng của công nghệ tin học vào nghiên cứu khoa học*

Nhà trường cần tăng cường đầu tư và lĩnh vực công nghệ số, bảo đảm hệ

thống mạng internet luôn thông suốt với băng thông rộng, trang thiết bị như máy chủ hiện đại để kịp thời phục vụ cho công tác tra cứu các tài liệu nghiên cứu trực tuyến. Xây dựng thư viện điện tử hiện đại, số hóa đầy đủ, kịp thời các tài liệu, khóa luận, luận văn, luận án, đề án, đề tài khoa học các cấp đã được nghiệm thu để làm tài liệu tham khảo cũng như là cơ sở dữ liệu cho giảng viên, các nhà khoa học khác nghiên cứu, triển khai các vấn đề liên quan đến pháp luật, đào tạo ngành luật (Mai & Mai, 2025). Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà Trường, bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để quản lý các sản phẩm khoa học bằng cơ sở dữ liệu điện tử.

Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, trang bị kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ tin học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong quá trình đào tạo ngành luật trong kỷ nguyên số.

4.2.5. *Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong nghiên cứu khoa học*

Thứ nhất, đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo ngành luật khác ngoài nhà trường về nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần xây dựng và ban hành hệ thống văn bản, chính sách định hướng phát triển liên kết giữa Nhà trường và các cơ sở đào tạo ngành luật khác ngoài nhà trường về nghiên cứu khoa học nói chung và đối với nghiên cứu khoa học của giảng viên. Xây dựng, ký kết các quy chế, quy định, biên bản ghi nhớ về hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các nội dung như trao đổi chuyên gia, sinh viên, học viên; chia sẻ dữ liệu khoa học; phối hợp tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm; ứng dụng sản phẩm khoa học trong thực tiễn của từng cơ sở đào tạo hoặc chuyển giao sản phẩm khoa học cho các tổ chức khác

như công ty luật, văn phòng luật sư, công ty, tập đoàn, ngân hàng.

Thứ hai, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Kỷ nguyên số đang tác động mạnh mẽ và trở thành động lực thúc đẩy sự hội nhập của các nước vào nền kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật khu vực và toàn cầu, trong đó hội nhập quốc tế về nghiên cứu khoa học đang trở thành xu thế tất yếu, đặc biệt đối với lĩnh vực luật ở Việt Nam. Trường đại học cần tận dụng có hiệu quả nguồn lực từ hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học ngành luật, như tranh thủ tài trợ tài chính, tham quan, học tập ở nước ngoài, tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế... để nhanh chóng nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chất lượng đào tạo ngành luật, đa dạng các hình thức, nội dung nghiên cứu khoa học, tăng số lượng công bố quốc tế đối với sản phẩm khoa học. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ngành luật cần đi đến kết quả cụ thể, như hợp tác biên soạn, xuất bản giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo cho sinh viên, học viên ngành luật; xuất bản kỷ yếu khoa học quốc tế có chỉ số ISBN để sử dụng trong việc học nghiên cứu sinh, phong học hàm, học vị, các danh hiệu cao quý về nhà giáo.

V. Kết luận

Nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số ở Việt Nam hiện nay là lĩnh vực truyền thống nhưng có yếu tố mới lạ khi áp dụng công nghệ số vào nghiên cứu khoa học luật. Việc này đòi hỏi giảng viên không chỉ có kiến thức chuyên môn về luật sâu, rộng mà còn phải có kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng công nghệ số vào việc nghiên cứu để tạo ra những sản phẩm khoa học có chất lượng cao, phục vụ hiệu quả việc giảng

dạy, đào tạo ngành luật trong trường Đại học. Những công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần quan trọng trong đào tạo ngành luật ở bậc đại học, sau đại học. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học với giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số, đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm những biện pháp khắc phục khó khăn, hạn chế; những biện pháp mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành luật trong kỷ nguyên số, đào tạo ra những thế hệ sinh viên, học viên ngành luật có chất cao, phục vụ công cuộc cải cách tư pháp, phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Dương, T. T. (2005). *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*. Nhà xuất bản khoa học xã hội.
- [2]. Lê, V. B. (2024). Đào tạo luật trong điều kiện số hóa: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn [Tham luận Hội thảo khoa học]. Học viện Phụ nữ.
- [3]. Mai, Đ. B., & Mai, T. H. (2025). Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành luật trong điều kiện chuyển đổi số - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải*. Hà Nội: Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.
- [4]. Nguyễn, Đ. T. (2014), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nxb. Tài chính.
- [5]. Nguyễn, T. N., & Nguyễn, V. G. B. (n.d.). *Kỷ nguyên số - cơ hội và thách thức cho giới trẻ*, <https://lequydonbinhdinh.edu.vn/ky-nguyen-so-co-hoi-va-thach-thuc-cho-gioi-tre/> truy cập ngày 20/11/2024.

- [6]. Phạm, D. N. (2014). *Phương pháp nghiên cứu luật học*. Nxb. Công an nhân dân.
- [7]. Phan, V. T., & Lương, H. Y. (2023). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.
- [8]. Trần, P. Đ. (2010). *Giáo trình Lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học*. Trung tâm nghiên cứu, phát triển lý luận cảnh sát, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
- [9]. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. (2020). *Công tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* [Đề tài khoa học cấp bộ].
- [10]. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. (2019). *Phương pháp nghiên cứu khoa học và công bố bài báo quốc tế trong lĩnh vực pháp lý*. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11]. Vũ, C. Đ. (2008). *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

MEASURES TO IMPROVE THE QUALITY OF SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES WITH LAW LECTURERS IN THE DIGITAL AGE

Mai Dac Bien¹, Mai Thu Hang²

Abstract: *The paper discusses scientific research activities with law lecturers at law universities in the digital age to improve the quality of human resource training and serve society's needs, based on advanced scientific research methods and forms. The digital age is one of humanity's great achievements, achieved by applying modern, advanced, and intelligent science and technology to life, thereby improving the quality and efficiency of human work in general and the scientific research activities of law lecturers in particular. Scientific research at law universities is a regular and key activity that contributes to improving the theoretical and practical teaching level of lecturers, thereby improving the quality of students and graduates. To meet the above requirements, it is necessary to have measures to improve the quality of scientific research activities with law lecturers in the digital age at universities. The paper proposes a number of measures to improve the quality of scientific research activities involving law lecturers in the digital age, based on research and a summary of practical scientific research conducted by lecturers at some law universities.*

Keywords: *measures, lecturers, law, digital technology, digital age*

¹ Phenikaa University